

Bản án số: 114/2018/HS-PT
Ngày 08 tháng 02 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 531/2017/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Tống Chin H, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 325/2017/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2018/QĐPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: Tống Chin H (tên gọi khác: Sơn), sinh năm 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 39/18/10 NTC, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: lầu 1, số 150/9 TTK, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Thiên H1 (chết) và bà Vũ Thị L (chết); có vợ là La Lệ Q (đã ly hôn) và 04 người con chung (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền án: ngày 25/10/2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án số 539/2005/HSPT, đã chấp hành xong bản án ngày 01/5/2013; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày: 05/6/2016 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Tống Chin H: Ông Đỗ Hải B, là Luật sư của Văn phòng Luật sư QA, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Chin H và Chung Quốc M đều là người Việt gốc Hoa quen nhau từ năm 1986, khi cùng buôn bán tại chợ AD, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 4-5/2000, M có quen đối tượng tên A M người Trung Quốc (không rõ địa chỉ cụ thể), A M đặt vấn đề với M sẽ bán cho M 10.000 viên ma túy tổng hợp với giá là 120.000 đồng/01 viên với tổng số tiền là 1,2 tỷ đồng. M nhất trí mua. A M yêu cầu phải đưa trước 30.000 USD tương đương khoảng 450.000.000 đồng còn lại 750.000.000 đồng thì trả dần. Vì không đủ tiền nên M rủ H cùng nhau góp tiền mua 10.000 viên ma túy tổng hợp để bán kiếm lời. H nhất trí hứa sẽ góp 15.000 USD với M. M là người phân công nhiệm vụ, cụ thể: M là người mua, bán ma túy, H là người cất giấu ma túy và quản lý tiền bán ma túy để giao lại cho Nguyễn Kim O (là bạn gái sống chung như vợ chồng với M) cất giấu và thống nhất là bán ra với giá 200.000 đồng/01 viên, lãi 80.000 đồng/01 viên sẽ chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn và công sức của từng người.

Khoảng cuối tháng 5/2000, A M hẹn giao 10.000 viên ma túy tổng hợp tại khách sạn VV, địa chỉ số 163 NTB, phường NTB, Quận 1. Sau khi thống nhất với A M, Minh chủ động thuê 01 phòng ở khách sạn VV. Tại đây A M giao cho M và H 01 balô màu đen bên trong là một nồi cơm điện có chứa 10.000 viên ma túy tổng hợp ký hiệu HQ, màu hồng được đóng thành từng gói nhỏ với số lượng mỗi gói chứa từ 100 - 200 viên. M giao cho A M 30.000 USD. Sau khi nhận được 10.000 viên ma túy M bỏ vào một túi nilon màu đen rồi gọi điện cho Lý Phúc V đến khách sạn nhờ V mang về nhà ở tại chung cư NDD, Phường 9, Quận 5 cất giấu giúp (V không biết đó là ma túy). Chiều tối ngày hôm sau H cùng M đi xe máy đến nhà V lấy lại túi ma túy rồi giao cho H cất giấu. Trước khi đưa ma túy cho H, M lấy lại 05 gói ma túy, mỗi gói 200 viên tổng là 1.000 viên để chào hàng. Nhận 9.000 viên ma túy tổng hợp từ M, H mang toàn bộ số ma túy này giao cho đối tượng tên Thuận (Nguyễn) là bạn của H nhà ở Quận 6 cất giấu. Sau đó, H nói lại với M và dẫn M đến chỉ nhà Thuận cho M biết. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2000 đến tháng 9/2000 mỗi lần có khách mua ma túy M nói H giao cho M từ 300 đến 500 viên, M đã bán 5.000 viên được tổng số tiền khoảng 600.000.000 đồng, Minh giao lại cho H, H giao đủ cho Nguyễn Kim O cất giấu. Số ma túy này M trực tiếp bán hoặc nhờ Nguyễn Kim O, Lý Phúc V giao cho các đối tượng cụ thể là:

- M bán cho Bùi Thụy Giang Th 100 viên ma túy tổng hợp. M bán cho Th nhiều lần, mỗi lần từ 5 đến 10 viên, giá 170.000đồng/viên. Những lúc M không có nhà thì O trực tiếp giao cho Th.

- M bán cho Trần Phương V1 1.000 viên ma túy tổng hợp, giá 170.000 đồng/viên, V mua làm nhiều lần, mỗi lần 50 đến 200 viên. M thường giao ma túy cho V ở ngoài đường, vũ trường, khách sạn VV.

- M bán cho Nguyễn Trung N 500 viên ma túy tổng hợp. Số ma túy này M nhờ V giao cho N 2 lần, lần một 200 viên, ở trước cửa chợ AD, Quận 5; lần hai 300 viên ở cây xăng đường NVC, Quận 5.

- M bán cho Nguyễn Thị Thu V2 800 viên ma túy tổng hợp. M bán cho V2 nhiều lần, mỗi lần từ 50 đến 100 viên, giá 170.000đồng/viên. Trong đó M trực tiếp giao cho Vân 400 viên và nhờ V giao cho Vân 400 viên. Việc giao nhận thường diễn ra ở các vũ trường hoặc quán cà phê. Số ma túy này, V2 bán cho khách chơi ở Vũ trường Goship trên đường THĐ, Quận 1 và vũ trường PD ở Quận 3.

- M trực tiếp bán cho Chung Tiến Q1 100 viên; Thị Thoa 1.500 viên; Tuấn 700 viên; Trường 300 viên M không rõ địa chỉ cụ thể của Quang, Thoa, Tuấn, Trường và không nhớ chính xác địa điểm.

Số còn lại 5.000 viên H quản lý, sau đó M phát hiện H lấy 3.000 viên ma túy tổng hợp bán tiêu tiền riêng không thông qua M, M đến nhà Thuận (Nguyễn) kiểm tra và lấy 2.000 viên ma túy tổng hợp còn lại về gửi ở nhà Nguyễn Kim O để bán. M, Sơn, O có hẹn nhau ở quán karaoke “LM” trên đường NTMK, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết mâu thuẫn. M lấy toàn bộ 2.000 viên ma túy tổng hợp này để bán cho Nguyễn Trung N, sau đó M ra Hà Nội trốn Công an. Khi đang ở Hà Nội, M gọi điện vào Thành phố Hồ Chí Minh đòi tiền nhưng N nói không mua nữa, M bảo N đưa 2.000 viên ma túy tổng hợp và chiếc xe Majesty cho Nguyễn Kim O cất giữ. Khoảng 1 tuần sau N lại hỏi M để mua lại 2.000 viên ma túy tổng hợp trên. M đã gọi điện cho Lý Phúc V đến gặp O lấy 2.000 viên ma túy và chiếc xe Majesty về nhà V cất giữ hộ M. Sau đó V gửi chiếc xe ra Hà Nội cho M và giữ lại 2.000 viên ma túy tổng hợp đã được chia làm nhiều gói nhỏ, từ 30 đến 100 viên/gói ở nhà V. M và V đã bán 2.000 viên ma túy tổng hợp cho các đối tượng sau:

- Bán cho Nguyễn Trung N 1.000 viên ma túy tổng hợp với giá 140.000 đồng/viên.

- Bán cho Trần Thị Thanh Th1 200 viên, giá 180.000 đồng/viên.

- Bán cho Trần Phương V1 500 viên ma túy tổng hợp, với giá 170.000 đồng/viên.

- Bán cho Hải “Bụi” 100 viên ma túy tổng hợp, với giá 170.000 đồng/01 viên.

Số còn lại M khai mất do thất thoát trong quá trình V, O quản lý.

Căn cứ vào lời khai và nhận dạng đồ vật các viên ma túy của các bị can, căn cứ công văn số 56/C21 (CIII) ngày 02/10/2003 của Tổng cục Cảnh sát phân viện Khoa học hình sự bộ Công an trả lời tại mục 8, viên thuốc màu hồng trên bề mặt có chữ “HQ” mà các đối tượng M, H, O...khai đã mua bán là Methamphetamine có trọng lượng 0,2821gam/01 viên (là chất ma túy số thứ tự số 67 được quy định trong Nghị Định 82/2013/NĐ-CP); có cơ sở để tính trọng lượng trung bình của 01 viên ma túy tổng hợp ký hiệu HQ mà bị can Tổng Chín H đã mua bán để truy tố đối với Tổng Chín H trong vụ án này.

Lời khai của Chung Quốc M như trên cơ bản phù hợp với lời khai của Tổng Chin H, Lý Phúc V, Trần Phương V1, Nguyễn Kim O được thể hiện tại các bút lục 96-100; 101-104; 108; 111-116; 121; 132-136; 140-141; 146-147; 151; 260-263; 438-440. Tuy vậy, lúc đầu H khai nhận có chung vốn cùng M để mua bán 10.000 viên ma túy tổng hợp; sau này H thay đổi lời khai chỉ thừa nhận có góp chung với Chung Quốc M 3.000 USD mua bán 5.000 viên ma túy tổng hợp, 5.000 viên còn lại Minh nói A M gửi bán. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho H, M đối chất song các bị can vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Căn cứ lời khai nhận ban đầu của H phù hợp với lời khai của Chung Quốc M, Nguyễn Kim O, Lý Phúc V... và các tài liệu khác có trong hồ sơ như Kết luận điều tra số 35/C16-C3 ngày 25/10/2003, Cáo trạng số 21/VKSTC-V2 ngày 01/12/2003, Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 10/5/2004, Bản án số 694/HSST ngày 10/05/2004; Biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 05/10/2004, Bản án số 2341/HSPT ngày 05/10/2004; Kết luận điều tra số 82/C47B ngày 25/11/2016 thì việc H thay đổi lời khai là không có cơ sở. Do đó, đủ căn cứ kết luận Tổng Chin H thực hiện hành vi mua bán trái phép 10.000 viên ma túy tổng hợp loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 2.821gam.

Tại bản Cáo trạng số 01/VKSTC-V4, ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố Tổng Chin H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 325/2017/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Tổng Chin H (tên gọi khác: Sơn) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, điểm o, p, q khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Tổng Chin H (tên gọi khác: Sơn) 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2016.

Áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Tổng Chin H (tên gọi khác: Sơn) số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, bị cáo Tổng Chin H nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hình phạt.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 26/KNPT-VKS-P1, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Tổng Chin H. Lý do kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra là, bị cáo Tổng Chin H đã có hành vi mua bán 10.000 viên ma túy tổng hợp, hành vi phạm tội của bị cáo là có tổ chức, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với

tính chất hành vi phạm tội và không mang tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, bị cáo Tống Chin H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tống Chin H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm là phù hợp với lời khai của Chung Quốc M, Lý Phúc V, Nguyễn Kim O, Nguyễn Trung N cùng các tài liệu chứng cứ khác; đủ căn cứ để xác định các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trọng lượng ma túy đã bán tổng cộng là 2.821 gam MA. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194, các điểm o, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, điểm c Mục 3.3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Tống Chin H tù chung thân và phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điểm, khoản áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội có tổ chức (là người hùn tiền mua và cất giấu ma túy). Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực giúp cơ quan điều tra phá án, nên đã áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194, các điểm p, q khoản 1 Điều 46, Điều 47, điểm a, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H 20 năm tù. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt quy định là không có căn cứ. Bởi vì, với trọng lượng 2.821 gam MA, lẽ ra bị cáo phải chịu mức án tử hình. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo mức án chung thân là thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt lên chung thân đối với bị cáo.

Bị cáo tự bào chữa như sau: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã tự thú, giúp cơ quan điều tra phá án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Luật sư thống nhất với bản án sơ thẩm và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, không tranh luận.

Về hình phạt: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã nêu, xét thấy, vào tháng 10 năm 2000, bị cáo đã đầu thú; bị cáo tự nguyện làm đặc tình cho lực lượng cảnh sát phòng chống ma túy, với bí danh là H61, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng phá đường dây ma túy cực lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Tổng Chin H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà án sơ thẩm đã quy kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó đã có cơ sở pháp lý để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2000, Tổng Chin H đã có hành vi góp 15.000 USD với Chung Quốc M, để mua 10.000 viên ma túy tổng hợp, có tổng trọng lượng 2.821 gam Methamphetamine của A M (không xác định được nhân thân, lai lịch), để bán lại kiếm lời. Bị cáo H và các đồng phạm đã tiêu thụ trót lọt toàn bộ số ma túy này cho các đối tượng Chung Tiến Q1, Bùi Thụy Giang Th, Thoa, Tuấn, Trường Xoãn, Nguyễn Thị Thu V2, Trần Phương V1, Nguyễn Trung N...

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các loại ma túy; làm băng hoại sức khỏe, đạo đức, lối sống của tầng lớp thanh thiếu niên; là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Bị cáo biết rõ các tác động tiêu cực, độc hại của ma túy, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi, vai trò của bị cáo. Theo đó, đây là vụ án phạm tội có tổ chức, Chung Quốc M là người trực tiếp giao dịch, mua, bán ma túy, Tổng Chin H là người cất giấu ma túy và quản lý tiền bán ma túy để giao lại cho Nguyễn Kim O cất giấu và thống nhất giá bán ra là 200.000 đồng/01 viên, lãi 80.000 đồng/01 viên, sẽ chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn và công sức của từng người. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Theo đó, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo tự thú, có nhiều thành tích trong phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm được các cơ quan chức năng khen thưởng, đặc biệt được Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định tại điểm o, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo tự thú, là đặc tình của lực lượng cảnh sát phòng chống ma túy, giúp cơ quan điều tra phá án và đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này là không có căn cứ. Bởi lẽ các tình tiết này đã được cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ cho bị cáo.

[3] Mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu ở trên, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù, dưới khung hình phạt quy định là không có căn cứ, chưa tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi, vai trò của bị cáo, chưa thể hiện tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bởi vì:

Bị cáo H là người trực tiếp góp tiền cùng bị cáo Minh để mua 10.000 viên ma túy tổng hợp, đồng thời bị cáo H là người trực tiếp cất giữ ma túy, cất giữ tiền sau khi bán ma túy và trên thực tế là các bị cáo đã tiêu thụ trót lọt toàn bộ số ma túy tổng hợp này. Do đó, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ 2.821 gam Methamphetamine. Theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại điểm c Mục 3.3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì với trọng lượng 2.821 gam Methamphetamine, lẽ ra bị cáo phải chịu mức án cao nhất là tử hình. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, nên xử phạt bị cáo mức án chung thân là thỏa đáng, là đã thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo và đề nghị của ông Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Quyết định kháng nghị số 26/KNPT-VKS-P1 ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 325/2017/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Tổng Chin H phải chịu án phạt hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tổng Chin H. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 26/KNPT-VKS-P1 ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 325/2017/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Tổng Chin H (tên gọi khác: Sơn) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, điểm o, p, q khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Tổng Chin H (tên gọi khác: Son) tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2016. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Tổng Chin H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- TTG T17 – Bộ Công an
(Tổng đạt cho bị cáo (2));
- Lưu(3), 13b (09).

Võ Văn Khoa

